

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NGỮ ĐIỀU LÊN TRONG TIẾNG ANH Ở NGƯỜI HÀ NỘI VÀ CÁCH THỂ HIỆN TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT

THE RISING INTONATION IN ENGLISH PERFORMED BY HANOI PEOPLE AND THE EQUIVALENT EXPRESSIONS IN VIETNAMESE

NGUYỄN HUY KỶ
(TS, Cao đẳng Sư phạm Hà Nội)

Abstract

The author essentially deals with the communicative value of intonation English in general, and its rising intonation in particular in comparison with what we have called the equivalent expressions (either verbal or non-verbal) in Vietnamese by Hanoi people. Prosodically, it is said to be one of the rather difficult issues for non-native speakers as Hanoi people to learn English because of the abstract semantic features of its own intonation in general and its rising intonation in particular.

1. Đặt vấn đề

Như mọi người đều biết, trong khi diễn đạt nói, sẽ là không đủ nếu chủ thể phát ngôn (speaker) chỉ chú trọng đến sự kết hợp giữa các từ với nhau theo quy tắc ngữ pháp của một ngôn ngữ nào đó. Tương tự như vậy, trong việc học ngoại ngữ, sẽ là thiếu hụt nếu người học chỉ tập thể hiện từng âm vị (phoneme) – tức là phát âm đúng từng từ là đủ – mà không chú ý đến sự liên kết giữa các từ theo nhịp nhanh, chậm, nhấn âm làm nổi bật thông tin, lên, xuống giọng để diễn đạt ý nghĩa của phát ngôn (utterance)... Tất cả những yếu tố vừa nêu như trọng âm (stress), tốc độ (speed/ tempo), nhịp điệu (rhythm), ngữ điệu (intonation)... đều thuộc về cách nói (how to speak), thuộc về hiện tượng ngôn điệu (prosodic events). Theo quan niệm của chúng tôi, ngữ điệu là một trong các hiện tượng ngôn điệu có tính tuyên điệu, được thể hiện bằng các thuộc tính cơ bản như cao độ (pitch), cường độ (intensity), và trường độ (length) trong sự hòa kết để thể hiện chiều

hướng lên (rise/ rising), xuống (fall/ falling) của giọng nói theo chủ ý của chủ thể phát ngôn, kết hợp với nhịp điệu và ngưng nghỉ (pause), hợp quy luật của từng ngôn ngữ để thực hiện các chức năng (functions) của chính mình nhằm giúp cho việc diễn đạt ngữ nghĩa thông qua các cách dùng của nó trong từng tình huống (situation), ngôn cảnh (context) cụ thể. Theo đó, chúng ta có thể thấy rằng, ngữ điệu tiếng Anh cũng thuộc hệ thống ngữ điệu nói chung, nhưng chắc chắn có những đặc trưng riêng của ngôn ngữ Anh, để từ đó người sử dụng ngôn ngữ (language user) có thể phân biệt được ngữ điệu tiếng Anh với ngữ điệu của ngôn ngữ khác nào đó. Về đặc trưng điệu tính của ngữ điệu tiếng Anh, chúng tôi sẽ bàn tiếp ở những bài viết sau, nếu có dịp. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chủ yếu trình bày một cách tương đối đầy đủ – theo cách nhìn và cảm nhận của mình – về một trong các vấn đề liên quan đến ngữ điệu tiếng Anh mà chúng tôi luôn quan tâm. Đó là ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở

người Hà Nội và cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt.

2. Một số vấn đề cần yếu có liên quan

2.1. Về khái niệm người Hà Nội

Đây là một trong những khái niệm rất khó xác định một cách rạch ròi đến mức cho ta đáp số lí tưởng vì có nhiều quan niệm khác nhau. Nhưng, theo quan niệm của chúng tôi thì có thể sử dụng một số tiêu chí sau đây để tạm thời xác định khái niệm nêu trên:

2.1.1. Tiêu chí về ranh giới địa lí

Trước hết, những người được coi là người Hà Nội là những người đã (từng) sinh ra và lớn lên trên địa bàn Hà Nội. Sau đó là những người sinh ra và lớn lên trong các khu vực mới được sáp nhập vào Hà Nội, nhưng phải phù hợp và đáp ứng được tiêu chí ngôn ngữ sẽ được quy định trong tiểu mục 2.1.2.

2.1.2. Tiêu chí về ngôn ngữ

Nếu nhìn nhận một cách tổng quát thì người Hà Nội sử dụng tiếng Hà Nội được coi là tương đồng, nhưng là tâm điểm của tiếng Việt chuẩn hay tiếng Việt toàn dân [3: 152], [10]. Thực tế này được thể hiện rất rõ ở tiếng Việt của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) với tiếng Việt ở Đài Phát thanh – Truyền hình Hà Nội (Hanoi Radio and Television)... Một thực tế nữa cũng cần được nêu thành tiêu chí về ngôn ngữ là người Hà Nội có khả năng và có thể thể hiện được cả 6 thanh của tiếng Việt chuẩn. Tuy nhiên, nếu xét về âm và chữ thì có thể thấy rằng người Hà Nội sử dụng tiếng Hà Nội [10: 157 – 160] không có sự phân biệt về âm nhưng đương nhiên phải phân biệt về chữ, chẳng hạn cùng âm đầu ‘tr’ trong các chữ ‘tr- / ch-’ (như ‘tre’ với âm ‘tr’/ ‘che’, ‘trinh’/ ‘chinh’); cùng âm đầu ‘s’ trong các chữ ‘s-/ x-’ (như ‘sôi’/ ‘xôi’); cùng âm đầu ‘z’ trong các chữ ‘r-/ d-/ gi-’ (như ‘ra’ với âm ‘r’ rung đầu lưỡi, nhưng không tự nhiên, không tiêu biểu/ ‘da’/ ‘gia’ với âm ‘z’ được phát âm với đầu lưỡi bẹt). Tất cả các phụ âm đầu vừa nêu trên đều được phát âm với đầu lưỡi bẹt, trừ âm ‘r’. Nhiều khi, có người phát

âm đúng, chuẩn những âm vừa nêu trong các từ đã dẫn, chẳng hạn, lại trở thành không phù hợp, không tự nhiên với chính người Hà Nội gốc. Đó là thực tế ngôn ngữ đã được công nhận và trở nên phổ biến, gần gũi, thân quen.

Nhưng, xét cho cùng thì tiêu chí về ranh giới địa lí là cần thiết, nhưng tiêu chí về ngôn ngữ mới là quan trọng bởi đó là cần yếu, mang tính quyết định góp phần làm sáng tỏ khái niệm người Hà Nội mà người viết bài này đặt ra, hướng tới.

2.2. Về khái niệm tiếng Hà Nội

Nếu hiểu một cách cơ bản và khái quát theo [3: 5], ‘Tiếng của người Hà Nội, nếu nhìn ở bình diện ngôn ngữ thuần túy thì cũng giống như tiếng của các vùng miền khác trên đất nước Việt Nam, thuộc một phương ngữ của tiếng Việt. Nhưng, xét từ góc độ chức năng xã hội, tiếng Hà Nội có một vị thế vô cùng quan trọng: là tiếng nói của Thủ đô ngàn năm văn hiến, và, có thể coi là một phần cơ sở của tiếng Việt tiêu chuẩn.’. Hoặc nếu nhìn nhận vấn đề đang đặt ra theo Nguyễn Văn Khang [3: 149 - 154] thì tiếng Hà Nội (được hiểu là phương ngữ địa lí – xã hội, không đồng nhất với giọng hoặc chất giọng) nên được xem xét trong mối quan hệ giữa các phương ngữ hoặc tiếng Bắc – Trung – Nam: những gì thuộc về tiếng Bắc là tiếng Hà Nội (trừ tiếng vùng Nghệ An – Hà Tĩnh gọi là tiếng Nghệ). Và, vẫn theo Nguyễn Văn Khang [3: 150], ‘...gọi tất cả những gì thuộc về ‘tiếng Nam’ là ‘tiếng Sài Gòn’, gọi tất cả những gì thuộc về ‘tiếng miền Trung’ là ‘tiếng Huế’...’. Nếu nhìn nhận vấn đề này một cách cụ thể hơn nữa, Nguyễn Văn Khang [3: 151 – 154] đã rất có lí khi nhìn nhận ‘Tiếng Hà Nội trong mối quan hệ với các tiểu phương ngữ của phương ngữ miền Bắc (tiếng Bắc)’. Đó là giọng, và vì vậy người ta hay nói rằng tiếng Hà Nội (nhìn chung được coi là tâm điểm của tiếng Việt chuẩn [10] hay tiếng Việt miền Bắc) giọng Sơn Tây (thanh huyền được phát âm cao hơn một bậc và có sự xích lại của thanh nặng với thanh huyền); tiếng Hà

Nội giọng Hải Phòng, Hải Dương (lấn lộn trong cách phát âm 'n/ l' (ví dụ 'nội'/'lội'), phát âm 'e' như 'ie' (ví dụ 'em'/'iem')... [3: 154].

3. Một số phương pháp đã được sử dụng trong quá trình nghiên cứu

Đó là phương pháp miêu tả (descriptive method), phân tích (analytical), tổng hợp (synthetic), thống kê (statistical), so sánh đối chiếu (comparative and contrastive), điều tra điền dã (field studies) và khảo sát sư phạm (pedagogical investigation)... thông qua các tư liệu băng tiếng, ngôn bản tin, ngôn bản hội thoại (có chuẩn bị và không chuẩn bị), phiếu khảo sát do 300 tư liệu viên (TLV) chuyên và không chuyên Anh, nhưng phù hợp với nội dung tiểu mục 2 của bài viết này, trong đó có 30 TLV được sử dụng để thể hiện các ngôn bản tin (có so sánh đối chiếu với tư liệu viên bản ngữ) nhằm tăng cơ sở thực tế cho việc xác định ngữ điệu lên (rising intonation) trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách biểu hiện tương đương trong tiếng Việt. Các TLV đã được lựa chọn phù hợp về số lượng, trình độ, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, khu vực địa lý và được mã số hóa, đặc biệt là các TLV người Luân Đôn [1], [2], [4], [5], [6], [9].

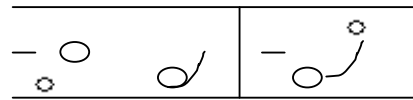
4. Một cách hiểu về ngữ điệu

Nhìn chung, ngữ điệu là thuật ngữ thường hay được sử dụng để diễn đạt sự biến đổi cao độ (pitch movement) của giọng nói diễn ra trong một chuỗi âm thanh lớn hơn âm tiết hoặc đơn vị từ. Thông qua sự thể hiện biến đổi cao độ giọng nói, cùng với cường độ, trường độ, sự ngưng nghỉ... chủ ngôn muốn diễn đạt một ý nghĩa nào đó trong tình huống giao tiếp nhất định mà như không cần phải sử dụng đến bình diện từ vựng hoặc các phương tiện ngữ pháp người tiếp thụ phát ngôn vẫn có thể hiểu được. Đó chính là sự hành chức hiệu quả của ngữ điệu.

Mặc dù ai cũng có thể biết rằng ngữ điệu trong mỗi ngôn ngữ có những nét đặc trưng, nhưng giữa chúng vẫn có những nét tương

đồng nhất định như cao độ, trường độ, sự ngưng nghỉ... và được xây dựng trên cơ sở từng đơn vị ngữ điệu (intonation unit/ group) đi liền nhau theo quy luật, đặc trưng của từng ngôn ngữ, ví dụ:

She knows Dutch, Danish and English.



(Cô ta biết tiếng Hà Lan, tiếng Đan Mạch và tiếng Anh.) [(Thường hay được dùng trong phát ngôn liệt kê để diễn đạt điều gì đó trịnh trọng)]

Trong trường hợp chỉ có một đơn vị ngữ điệu thì người ta gọi là đơn vị ngữ điệu hạt nhân hoặc tối giản, chẳng hạn như ví dụ dưới đây:

Sing? (a) hoặc (b)

(Hát à/ ư/ nhỉ/ nhé/ hã/ không/ đi?...) (Tất nhiên, tùy vào từng đối tượng và tình huống cụ thể mà chủ ngôn và người tiếp thụ thông tin có thể sử dụng tình thái từ khác nhau cho phù hợp).

Cũng là sự biến đổi cao độ của giọng nói do tần số dao động của dây thanh tạo nên, nhưng cao độ của giọng nói thể hiện trong ngữ điệu trên cả một phát ngôn; còn cao độ của giọng nói thể hiện trong thanh điệu, như trong tiếng Việt, chỉ xuất hiện trên một âm tiết. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng thanh điệu thuộc âm tiết, trọng âm thuộc từ, ngữ điệu thuộc phát ngôn. Tuy nhiên, chỉ trong ngữ điệu Anh Anh (ngữ điệu tiếng Anh ở người Anh) mới có sự phân biệt giữa mẫu hình ngữ điệu trung bình – lên cao (a), mẫu hình ngữ điệu thấp – lên cao trung bình (b); còn trong ngữ điệu Anh Việt (ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt) thì hầu như không có sự phân biệt này, mà ngược lại, có xu hướng nhập làm một, gọi là mẫu hình ngữ điệu lên [5], [7].

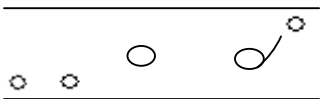
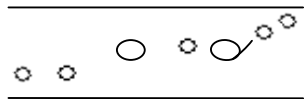
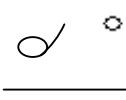
Ngữ điệu có các chức năng nhằm giúp cho việc diễn đạt ngữ nghĩa, biểu đạt tình thái,

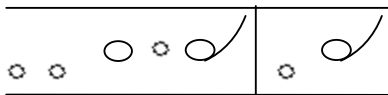
cảm xúc của chủ ngôn... – nhưng tuyệt nhiên không làm thay đổi nghĩa của bản thân từ trong đó có ngữ điệu hành chức – thông qua cách dùng của nó trong từng tình huống cụ thể [1], [2], [4], [5 : 33 – 34], [7], [8].

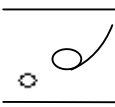
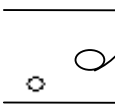
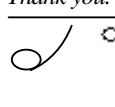
Theo đó, ngữ điệu tiếng Anh cũng thuộc hệ thống ngữ điệu nói chung, song có những cơ sở và đặc trưng của ngôn ngữ Anh (như cách lên, xuống của ngữ điệu bao giờ cũng dựa vào và bắt đầu từ âm tiết có trọng âm của từ, tốc

độ phát ngôn, nổi âm, nhược hóa/ đồng hóa âm tiết, cách thể hiện âm cuối, cách thể hiện dạng mạnh – yếu của âm, hiện tượng trội âm, nuốt âm, trường độ âm thanh, phẩm chất ngôn thanh (voice quality), cách ngưng nghỉ...) để từ đó người ta có thể phân biệt được ngữ điệu Anh với ngữ điệu của các ngôn ngữ khác. Đó là điều chắc chắn, ít nhất cũng là một trong những cảm nhận ngôn điệu của người dụng ngôn.

5. Ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội và cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt [1], [5], [6], [8]

Ý nghĩa/ Cách dùng	Ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội	Tương đương về nghĩa trong tiếng Việt	Các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu ngôn từ/ hữu ngôn (verbal) hoặc phi ngôn từ/ phi ngôn (non-verbal)
1	<i>Can you play 'tennis'?</i>  (Ngữ điệu lên được dùng một cách ngẫu nhiên trong phát ngôn nghi vấn ‘Có – Không’ luôn dựa vào và bắt đầu từ âm tiết có trọng âm /‘te-/ ở độ cao hơi thấp hoặc trung bình, sau đó đi lên rồi kết thúc ở âm tiết /-nis/ ở cao độ tương đối cao so với giọng nói tự nhiên của chủ thể phát ngôn.). Lưu ý: Cách miêu tả mô hình ngữ điệu lên trong các ví dụ sau cũng có thể được hiểu tương đương như cách miêu tả mô hình ngữ điệu lên ở ví dụ trên đây.	Bạn có thể chơi/ đánh quần vợt được không? (Ý hỏi ngẫu nhiên và mong chờ câu trả lời ‘Có – Không’ từ người tiếp thụ phát ngôn.)	‘... được không? ’ (hữu ngôn)
2	<i>You can play the ‘piano’?</i>  (Ngữ điệu lên được dùng trong phát ngôn lặp lại của chính chủ ngôn, tương đương như phát ngôn nghi vấn ‘Có – Không’.)	Bạn có khả năng chơi dương cầm ư/ à/ há?/ Thế à? (Ý hỏi lại phát ngôn này, và cũng mong chờ câu trả lời ‘Có – Không’ từ người tiếp thụ phát ngôn.)	‘... ư/ à/ á/ há?/ Thế à? ’ (hữu ngôn)
3	<i>He’s from Bắc Ninh, ‘isn’t he?’</i> 	Anh ấy từ Bắc Ninh đến, có phải không? (Ý hỏi và mong chờ câu trả lời ‘Có – Không’ trong phát ngôn lấy đuôi từ người tiếp thụ phát)	‘..., có phải không? ’ (hữu ngôn)

	(Ngữ điệu lên được dùng trong phát ngôn láy đuôi/ câu hỏi láy đuôi.) <i>Yesterday 'morning, he was ill.</i>	ngôn, tương đương như phát ngôn nghi vấn 'Có – Không'.)	
4	 (Ngữ điệu lên thường được sử dụng trong các danh ngữ hoặc trạng ngữ ở vị trí đầu phát ngôn nhằm xác định rõ hơn ranh giới mỗi đơn vị ngữ điệu.)	Sáng (hôm) qua, anh ấy bị ốm.	Ngữ điệu lên thường được sử dụng trong các danh ngữ hoặc trạng ngữ ở vị trí đầu phát ngôn nhằm xác định rõ hơn ranh giới mỗi đơn vị ngữ điệu (mà dấu hiệu của đơn vị ngữ điệu đầu tiên là ngay sau danh ngữ hoặc trạng ngữ vừa nêu), giúp cho chủ ngôn và người tiếp thụ phát ngôn dễ dàng phát và tiếp thụ thông tin trong phát ngôn ấy. Trong trường hợp này, người ta thường dùng dấu phẩy (khi viết) và ngưng nghỉ (khi nói) (phi ngôn) ngay sau danh ngữ hoặc trạng ngữ đó.
5	<i>He has got a 'car, a 'flat and a ship.</i>  (Dùng ngữ điệu lên trong phát ngôn có các từ được liệt kê.)	Anh ta có một xe ô tô, một căn hộ và một chiếc tàu thủy. (Chủ ngôn muốn thể hiện ý liệt kê nên ngữ điệu lên được sử dụng ngay trước các từ 'car', 'flat'...).	Hơi lên giọng và ngưng nghỉ một chút (phi ngôn) trước các từ được liệt kê, nhưng phải thật tự nhiên, tránh trường hợp lên giọng lại trở thành tương đương như thanh sắc của tiếng Việt hoặc bị làm biến đổi nghĩa của bản thân từ được liệt kê, hoặc làm 'sai lệch' cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt là vô cùng quan trọng.

6	He'llo.  Hoặc: Good 'bye.  Hoặc: 'Thank you.  (Ngữ điệu lên thường hay được sử dụng trong phát ngôn chào hỏi, chào tạm biệt (người chào trước hay dùng), hoặc nói lời cảm ơn theo phép lịch sự chứ không phải hàm ơn, như trong tình huống người bán vé nói với hành khách khi họ trả tiền mua vé...)	- Xin chào. (Chào gặp mặt, người chào trước hay dùng.) - Chào tạm biệt./ Chào nhé./ Tạm biệt. (Chào lúc chia tay, tạm biệt, người chào trước hay dùng.) - Cảm ơn./ Xin cảm ơn. (Ý chủ ngôn muốn thể hiện phép lịch sự trong lời nói cảm ơn, chứ không phải hàm ơn, như trong tình huống người bán vé nói với hành khách lúc bán – mua vé tàu, xe...)	Hơi lên giọng một chút (phi ngôn) nhưng cần lưu ý phải thể hiện tự nhiên, tránh trường hợp lên giọng lại trở thành tương đương như thanh sắc của tiếng Việt, hoặc bị làm biến đổi nghĩa của bản thân từ, hoặc làm 'méo mó' cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt là vô cùng quan trọng.
---	--	---	--

*** Ghi chú:**

- Tròn to (O): âm tiết có trọng âm
- Tròn nhỏ (o): âm tiết không có trọng âm

Thông qua 6 ý nghĩa/ cách dùng ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu ngôn từ/ hữu ngôn (verbal) hoặc phi ngôn từ/ phi ngôn (non-verbal) vừa được trình bày trong bảng trên, chúng tôi muốn lưu ý bạn đọc khi sử dụng ngữ điệu lên trong tiếng Anh một vài điểm như sau:

a) Nếu ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội được thể hiện ở các cách dùng (1), (2), (3), thì các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu **ngôn từ/ hữu ngôn** lần lượt như '*... được không?*', '*... ư/ à/ á/ hã?/ Thế à?*', '*..., có phải không?*' hoặc tương đương theo kiểu ngôn từ.

b) Nếu ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội được thể hiện ở các cách dùng (5), (6), thì các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu **phi ngôn từ/ phi**

ngôn lần lượt như '*Hơi lên giọng và ngưng nghĩ một chút*', '*Hơi lên giọng một chút*'.

c) Nếu ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội được thể hiện ở cách dùng (4), thì cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu **phi ngôn từ/ phi ngôn** nhưng có sử dụng dấu phẩy (trong bút ngữ/ khi viết) và ngưng nghỉ (trong khẩu ngữ/ khi nói).

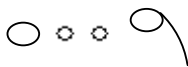
6. Cách khắc phục một số khó khăn khi thể hiện ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội [1], [3], [5], [7]

6.1. Về nhận thức

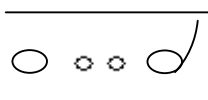
Trải qua nhiều năm trực tiếp giảng dạy tiếng Anh cho những người học (cả chuyên và không chuyên Anh) thuộc mọi lứa tuổi, đến từ các quận huyện khác nhau của Hà Nội, trước hết, chúng tôi cho rằng, người học cần phải khắc phục những khó khăn về *nhận thức* bởi nếu không nhận thức đầy đủ về giá trị hành chức của ngữ điệu tiếng Anh, chủ ngôn thường hay quan tâm đến ngữ pháp, từ vựng và cho rằng như vậy là đủ. Chính vì vậy, có những trường hợp giao tiếp

bị ngưng trệ vì lẽ ra phải dùng ngữ điệu lên thì chủ ngôn lại dùng ngữ điệu xuống, và ngược lại, ví dụ:

That is a pen. (1) (Kia là cái bút.) [ngữ điệu xuống (falling intonation) trần thuật]



That is a pen? (2) (Kia là cái bút có phải không?) [ngữ điệu lên (rising intonation) nghi vấn]

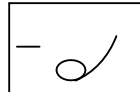


Việc chủ ngôn thay đổi ngữ điệu xuống trong (1) thành ngữ điệu lên trong (2) đã làm cho phát ngôn trần thuật (1) trở thành phát ngôn nghi vấn (2). Thực tế này khiến việc lĩnh hội thông tin trong giao tiếp bị ảnh hưởng rất nhiều. Vì lẽ đó, chúng tôi thấy rằng việc giới thiệu một cách tổng quát về ngữ điệu lên trong tiếng Anh và hướng dẫn thực hành mẫu hình ngữ điệu lên thông qua từng phát ngôn cụ thể, theo hướng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp là rất cần thiết (thông qua băng tiếng hoặc thầy đọc/ nói chuẩn).

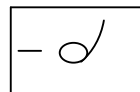
6.2. Luyện tập thường xuyên theo tình huống hoặc phi tình huống

Công việc này đòi hỏi người học luôn có ý thức luyện tập thường xuyên cách thể hiện ngữ điệu lên trong tiếng Anh từ cấp độ đơn giản (cấp độ từ đơn lẻ) đến cấp độ phức tạp hơn (cấp độ ngữ, mệnh đề, câu). Nếu chưa có khả năng tự luyện tập được, thì tốt hơn hết là có sự hướng dẫn trực tiếp của thầy/ cô, hoặc tập theo băng/ đĩa đã ghi âm các bài luyện tập phù hợp với cấp độ này. Tập đi tập lại nhiều lần sẽ thành quen, và đến một mức nào đó (tất nhiên còn phụ thuộc vào ngữ năng nói chung của mỗi người), kĩ năng sẽ được hình thành, ví dụ:

No? (Không à/ á/ hả?)



(3)



hoặc (4)

Đối với người Hà Nội, việc sử dụng mẫu hình ngữ điệu lên (3) hoặc (4) đều có thể hiểu tương đương như nhau, mặc dù thực ra đối với người Anh, hai mẫu hình ngữ điệu này hoàn toàn khác nhau. Thế cho nên, người viết bài này mới đề xuất một khái niệm mới trong ngữ điệu học là ngữ điệu Anh Anh (ngữ điệu tiếng Anh ở người Anh), và ngữ điệu Anh Việt (ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt) [5], [7].

6.3. Thực hành giao tiếp một cách có ý thức theo tình huống

Qua các ví dụ minh họa (1), (2), (3), (4), giáo viên có thể sử dụng một số phát ngôn tương tự như các phát ngôn đã được sử dụng ở mục 5 để hướng dẫn người học thực hành cách dùng ngữ điệu lên trong tiếng Anh theo các tình huống một cách có ý thức. Tốt nhất là giáo viên cho người học nghe đĩa hoặc video trong đó ngữ điệu lên đã được thiết kế theo tình huống và mang tính giáo học pháp; nhưng phải chú ý phù hợp với khả năng của người học và mục tiêu của tiết dạy. Sau đó, giáo viên yêu cầu cả lớp nhắc lại mỗi ví dụ 2 lần; tiếp đến là nhắc lại theo cá nhân, rồi chép vào vở. Nếu giáo viên thấy học viên bắt chước chưa đạt yêu cầu thì có thể cho cả lớp nghe lại. Lưu ý rằng, giáo viên không làm thay mà phải giữ vai trò là cố vấn, trợ giúp, trọng tài... để có thể chỉnh sửa những sai sót về ngữ điệu, nhưng cần phải thật tự nhiên, không can thiệp trực tiếp và luôn lấy động viên, kích thích hoạt động ngôn ngữ, hoạt động giao tiếp làm trọng bởi vì chúng tôi theo quan điểm dạy – học hướng trung tâm vào người học, học đi đôi với hành và học từ các sai sót. Tiếp theo, người học thực hành theo cặp/ nhóm, sau đó nhận xét cách thể hiện ngữ điệu lên cùng cách dùng của nó trong mỗi phát ngôn. Cuối cùng, giáo viên

nên chốt lại 6 cách dùng/ ý nghĩa của ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội như trong mục 5 của bài viết này để giúp người học hiểu và sử dụng ngữ điệu lên một cách có ý thức hơn trong giao tiếp.

7. Kết luận và khuyến nghị

7.1. Cho đến nay, chúng tôi thấy rằng, về cơ bản, có 6 cách dùng ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt, xét trên cả 2 bình diện ngôn từ và phi ngôn từ.

7.2. Cần phải xác định và thừa nhận một số khó khăn của người Hà Nội khi sử dụng ngữ điệu lên trong tiếng Anh trong môi trường phi bản ngữ như ở Việt Nam. Mặc dù thực tế này là không thể chối cãi, tuy nhiên, người Việt nói chung và người Hà Nội nói riêng vẫn có thể sử dụng ngữ điệu lên trong tiếng Anh trong giao tiếp thường nhật ở mức độ chuẩn thực tế (khoảng 60 – 70%), chưa thể đạt được mức chuẩn lí tưởng như người Anh Anh (không phải Anh Ấn, Anh Singapore, Anh Malaysia, Anh Pháp, Anh Đức, Anh Bồ Đào Nha...).

7.3. Cách khắc phục những khó khăn trong việc thể hiện ngữ điệu lên trong tiếng Anh đối với người Hà Nội – mặc dù chúng tôi không trực tiếp đề cập đến một số nguyên nhân gây nên những khó khăn ấy – là rất cần thiết và có hiệu quả bởi lẽ khoảng 80% nghiệm viên đánh giá cao kết quả thử nghiệm những biện pháp khắc phục này.

7.4. Cần trau dồi thêm kiến thức về ngữ điệu tiếng Anh bằng cách tự nghiên cứu hoặc trao đổi, học hỏi những chuyên gia trong lĩnh vực này. Nhưng nếu chỉ vậy thì chưa đủ. Một điều không kém phần quan trọng là người học phải chịu khó nghe băng, đài tiếng Anh càng thường xuyên và càng nhiều càng tốt, đặc biệt lưu ý cách sử dụng ngữ điệu trong các tình huống cụ thể.

7.5. Nên tham gia vào các câu lạc bộ nói tiếng Anh với những chủ đề và đối tượng phù hợp với mình, dưới sự hướng dẫn của giáo viên có năng lực và trình độ. Hi vọng

rằng, nếu thực hành nghe – nói tiếng Anh thường xuyên như vậy, khả năng khẩu ngữ của người học nói chung, người Hà Nội nói riêng sẽ tốt hơn, sự tự tin sẽ cao hơn, đặc biệt là cách thể hiện ngữ điệu lên trong tiếng Anh và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

1. A. Cruttenden, *Intonation*, Cambridge University Press, 1997.
2. M.A.K. Halliday, *A Course in spoken English: intonation*, Oxford University Press, 1978 (reprinted).
3. Hội Ngôn ngữ học Hà Nội, *Ngôn ngữ Văn hóa Thăng Long – Hà Nội 1000 năm* (sách của nhiều tác giả), Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2010.
4. Nguyễn Huy Kỳ, *Ngữ điệu tiếng Anh và các chức năng*, Tạp chí Khoa học, ĐHQG Hà Nội, Số 4 (2004) 36.
5. Nguyễn Huy Kỳ, *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (English intonation by the Vietnamese)* (sách chuyên luận), Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, Hà Nội - 2006.
6. Nguyễn Huy Kỳ, *Tìm hiểu một số quan hệ cơ bản giữa ngữ điệu và các phương tiện khác có liên quan*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Số 1+2 (72)/2007.
7. Nguyễn Huy Kỳ, *Ngữ điệu Anh Việt và ngữ điệu Anh Anh, nhìn từ góc độ ngôn ngữ đối chiếu*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 26 (2010) 130 – 140.
8. J.D. O'Connor, *Better English pronunciation*, Cambridge University Press, 1977 (reprinted).
9. Đỗ Tiến Thắng (2009), *Ngữ điệu tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Lê Quang Thiêm (1989), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
11. Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-06-2012)